

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2020
V/v “Tranh chấp Ly hôn,
nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Chí Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sơn Mút

2. Ông Trần Kim Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Võ Thanh Sang –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 183/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Kim Thị Kim C**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Tổ 10, ấp Phù Ly 1, xã B, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long; xin vắng mặt .

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Tấn Đ**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Tổ 10, ấp Phù Ly 1, xã B, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Kim Thị Kim C trình bày:

Vào năm 2013, chị C và anh Nguyễn Tấn Đ quen biết tìm hiểu nên quyết định cưới có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Kim Nguyễn Tấn Ph,

sinh ngày 13/10/2014 hiện đang sống với mẹ. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Lý do chị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Đ là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nên vợ chồng dẫn đến ly thân không còn chung sống với nhau gần 01 năm nay, tình cảm không thể hàn gắn lại được nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay, chị C yêu cầu được ly hôn anh Đ; về con yêu cầu được tiếp tục nuôi không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng; về tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị C có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc làm ăn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Đ; về con yêu cầu được tiếp tục nuôi không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác. Bị đơn anh Đ có đơn xin vắng và có ý kiến Anh đồng ý ly hôn chị C; về con Anh đồng ý cho chị C được quyền nuôi và Anh chưa phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết. Anh Đ xin vắng mặt các lần Tòa mời hòa giải công khai chứng cứ và tại phiên tòa xét xử vụ kiện này do bận công việc làm ăn không đến Tòa được và không khiếu nại về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Kim Thị Kim C và bị đơn anh Nguyễn Tấn Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh Đ là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Đ do quen biết có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân của chị C và anh Đ là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình hôn nhân, chị C và anh Đ thường xuyên cãi vã, vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và hiện đã ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị C xin ly hôn anh Đ là có căn cứ nên chấp nhận là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ cũng có ý kiến đồng ý ly hôn chị C. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C, chị C được ly hôn anh Đ.

[3] Về con chung: Chị C và anh Đ có 01 con chung tên Kim Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 13/10/2014. Chị C yêu cầu được quyền nuôi con chung là phù hợp vì hiện tại con đang sống với chị C và anh Đ cũng đồng ý để chị C nuôi dưỡng, xét chị C không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng là sự tự nguyện và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị C và anh Đ. Chị C được quyền nuôi con

chung, anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ được quyền thăm chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: Chị C và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị C và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị Kim C, chị Kim Thị Kim C được quyền ly hôn anh Nguyễn Tấn Đ.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị C và anh Đ, chị C được quyền nuôi con chung là cháu Kim Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 13/10/2014. Anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị C và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị C phải nộp án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010304 ngày 02/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, chị C đã nộp xong. Anh Đ không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú./.

Nơi nhận:

- TAT. VL;
- VKSTX.BM;THADS.TXBM;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Chí Cường